

**PHỤ LỤC HÀNG HÓA**  
(Kèm theo Thông báo số 341 /TB-BVQH ngày 17 tháng 10 năm 2024  
của Bệnh viện Đa khoa huyện Quan Hóa)

STT	STT phần	Tên hàng hóa theo tiếng việt	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
A		<b>HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM</b>			
I	1	<b>HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α; MEK-7300, MEK-8222; MEK-9100, Celltac G. HÃNG NIHON KONDEN</b>			
1		Dung dịch rửa đường dịch dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng để rửa đường dịch Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether 0,05%, Ethylen glycol monophenyl ether 0,33%	ml	75.000
2		Hóa chất dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	ml	20.000
3		Hóa chất dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào	Dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	ml	1.440.000
4		Dây bơm máy huyết học	Dây bơm cho máy huyết học	cái	2
5		Phin lọc cho máy huyết học	Phin lọc cho máy huyết học	Cái	1
II	2	<b>HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYTEMES - TÂY BAN NHA</b>			
6		Bộ phận phản ứng	Bộ phận phản ứng. Vật liệu: Nhựa methacrylate	Cái	50
7		Bóng đèn máy sinh hóa A25	Bóng đèn halogen 12V/20W	cái	4
8		Giếng đựng mẫu	Giếng đựng mẫu. Vật liệu: Nhựa methacrylate	Cái	5.000
9		Dung dịch rửa hệ thống	Dung dịch rửa hệ thống	ml	5.000
10		Dung dịch rửa máy	Dạng dung dịch thành phần: Dung dịch rửa chứa Natri hydroxyd 4% Triton X-100 10%	ml	2.000
11		Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Sử dụng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy Chứa huyết thanh người	ml	200

12	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Hóa chất kiểm chứng cho các xét nghiệm thường quy mức 1. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	ml	200
13	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	ml	200
14	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB. Dạng bột đông khô: huyết thanh người với nồng độ CK-MB và CK thích hợp	ml	3
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CK-MB mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ml	3
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase-MB (CK-MB)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase-MB (CK-MB) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ml	300
17	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2. Dạng dung dịch. Thành phần: dung dịch đệm. chứa: đệm amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat	ml	60
18	Hóa chất kiểm chức mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2. Dạng dung dịch. Thành phần: dung dịch đệm. chứa: amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat	ml	90
19	Hóa chất kiểm chức mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2. Dạng dung dịch. Thành phần: dung dịch đệm. chứa: amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat	ml	90
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.	ml	810
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người	ml	1.200
22	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C mức bệnh lý	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bệnh lý Thành phần thuốc thử: mẫu ly giải hồng cầu (có nguồn gốc từ người, dạng đông khô), được dùng cho quy trình kiểm chứng Hemoglobin A1C	ml	5
23	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C Direct	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C Direct mẫu máu người Thành phần thuốc thử: huyết thanh người (dạng bột đông khô), có chứa các nồng độ thành phần phù hợp để hiệu chuẩn xét nghiệm đo nồng độ HbA1C	ml	20

24	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C mức bình thường	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bình thường Thành phần thuốc thử: mẫu ly giải hồng cầu (có nguồn gốc từ người, dạng đông khô), được dùng cho quy trình kiểm chứng Hemoglobin A1C	ml	5
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol HDL Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL Direct mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ml	500
26	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol LDL Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL Direct mẫu huyết thanh, huyết tương người.	ml	500
27	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP/CRP-hs	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP/CRP-hs.	ml	20
28	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	ml	500
29	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1. Thành phần: Rheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL).	ml	20
30	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2. Thành phần: Rheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL).	ml	20
31	Hóa chất dùng cho xét nghiệm a-Amylase-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng a-Amylase-Direct mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.	ml	500
32	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase ALT/GPT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ml	6.000
33	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase AST/GOT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase AST/GOT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ml	6.000
34	Hóa chất định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin	ml	765
35	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	ml	1.000
36	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	ml	1.000
37	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người	ml	4.500
38	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người	ml	3.000
39	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose	ml	8.000
40	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho định lượng Protein.	ml	2.000

41		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.	ml	3.000
42		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Bun - UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Bun - UV	ml	5.000
43		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid	ml	1.230
44		Thuốc thử xét nghiệm định lượng Lipase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Lipase mẫu huyết thanh, huyết tương người	ml	96
45		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium theo phương pháp Arsenazo	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium theo phương pháp Arsenazo	ml	410
46		Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	ml	2.000
<b>III</b>	<b>3</b>	<b>HOÁ CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HOÁ TỰ ĐỘNG Model Au480; Au640 và Au680 HÃNG SX: BECKMAN COULTER</b>			
47		Bóng đèn máy sinh hóa AU480	Bóng đèn 12V/20W	cái	3
48		Chất chuẩn điện giải mức giữa	Chất hiệu chuẩn mức trung bình được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> và Cl <sup>-</sup> .	ml	48.000
49		Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức cao được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na <sup>+</sup> ), kali (K <sup>+</sup> ) và clorua (Cl <sup>-</sup> ) trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.	ml	1600
50		Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức thấp được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na <sup>+</sup> ), kali (K <sup>+</sup> ) và clorua (Cl <sup>-</sup> ) trong huyết thanh, huyết tương.	ml	1600
51		Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	Dung dịch rửa; Thành phần: Sodium Hypochlorite 5 - 10%; Chất vệ sinh cô đặc	ml	1800
52		Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc	ml	40000
53		Hóa chất đệm điện giải	Dung dịch đệm được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> và Cl <sup>-</sup> .	ml	32.000
54		Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	Hoá chất điện giải cho điện cực tham chiếu để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> và Cl <sup>-</sup> .	ml	20.000
55		Điện cực Sodium	Điện cực Sodium dùng cho máy Au480; Au640 và Au680	Cái	1
56		Điện cực Potassium	Điện cực Potassium dùng cho máy Au480	Cái	1
57		Điện cực Chloride	Điện cực Chloride dùng cho máy Au480	Cái	1
58		Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu dùng cho máy Au480	Cái	1
59		Hóa chất định lượng HbA1c	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người.	ml	120
60		Chất hiệu chuẩn HbA1c	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C Direct mẫu máu người.	ml	4
61		Huyết thanh kiểm tra HbA1C mức thấp	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bình thường.	ml	2
62		Huyết thanh kiểm tra HbA1C mức cao	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bệnh lý.	ml	2

63	Hóa chất định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người.	ml	120
64	Bộ hiệu chuẩn CRP	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP/CRP-hs.	ml	5
65	Huyết thanh kiểm tra CRP mức thấp	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1. Thành phần: Rheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL).	ml	5
66	Huyết thanh kiểm tra CRP mức cao	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2. Thành phần: Rheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL).	ml	5
67	Hóa chất định lượng CK-MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB;	ml	192
68	Chất chuẩn CKMB	Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB;	ml	3
69	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức bình thường	Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB;	ml	6
70	Huyết thanh kiểm tra CKMB mức cao	Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB;	ml	6
71	Chất hiệu chuẩn AU480	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy;	ml	50
72	Huyết thanh kiểm tra mức bình thường	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1;	ml	50
73	Huyết thanh kiểm tra mức cao	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2;	ml	50
74	Hóa chất định lượng GPT (ALT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT;	ml	600
75	Hóa chất định lượng GOT(AST)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST;	ml	600
76	Hóa chất định lượng Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride;	ml	300
77	Hóa chất định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin	ml	232
78	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp;	ml	96
79	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần;	ml	120
80	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol;	ml	360
81	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose;	ml	600
82	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol;	ml	288
83	Hóa chất định lượng LDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol;	ml	288
84	Hóa chất định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol;	ml	288

85		Hóa chất định lượng Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric;	ml	170
86		Hóa chất định lượng Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê;	ml	600
87		Hóa chất định lượng Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine;	ml	816
88		Hóa chất định lượng Alcohol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.	ml	216
89		Chất hiệu chuẩn Alcohol	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2.. Dạng dung dịch. Thành phần: dung dịch đệm. chứa: đệm amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat	ml	20
90		Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2. Dạng dung dịch. Thành phần: dung dịch đệm. chứa: amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat	ml	30
91		Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2. Dạng dung dịch. Thành phần: dung dịch đệm. chứa: amoniac. ethanol. natri hydrocarbonat	ml	30
92		Hóa chất định lượng Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng $\alpha$ -amylase;	ml	120
93		Thuốc thử xét nghiệm định lượng Lipase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Lipase mẫu huyết thanh, huyết tương người	ml	48
94		Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium theo phương pháp Arsenazo	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium theo phương pháp Arsenazo	ml	116
95		Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	ml	640
<b>IV</b>	<b>4</b>	<b>Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer 13 thông số - Human</b>			
96		Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 13 thông số	Đo các thông số theo thứ tự: Bilirubin (0.6%), Urobikinogen (0.2%), Ketones (5.7%), Ascorbis acid (0.8%), Glucose, Protein(0.1%), Blood, pH, Nitrite, Leu, Specific gravity, Creatinine (4.8%), Microalbumin (2.2%)	test	8.000
<b>V</b>	<b>5</b>	<b>Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết OneTouch Verio Hospital của hãng Lifescan</b>			
97		Test thử đường huyết sử dụng cho Máy thử đường huyết	Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. - Độ chính xác cao >99% - Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L) - Khoảng Hematocrit: 20 - 60%	test	600
<b>B</b>		<b>SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN</b>			

98	6	Test HCV	<p>Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Được thiết kế để sử dụng trong quần thể có tỷ lệ nhiễm HCV cao hoặc những người có tiền sử phơi nhiễm/hành vi nhiễm HCV bao gồm cả phụ nữ mang thai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.4% (so với xét nghiệm xác nhận sử dụng RT-PCR)</li> <li>- 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Protein A – chất keo vàng (1,0±0,2 µg), vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5) (1,5±0,3 µg), vạch chứng: Globulin miễn dịch dê kháng người (2,0±0,4 µg)</li> <li>- Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút. Thể tích mẫu sử dụng: 10µl. Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C</li> <li>- Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, Xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i>, EBV, HTLV, Ký sinh trùng <i>Toxoplasma</i>, <i>Chlamydia</i>, HBsAg, Cúm, <i>Trypanosoma cruzi</i> I /II</li> <li>- Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C</li> <li>- Thuộc Danh mục xét nghiệm nhanh HIV theo Chương trình Đảm bảo Chất lượng Chuỗi Cung ứng Y tế Toàn cầu (GHSC Eligible Diagnostic List)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO PQ</li> </ul>	Test	1500
99	7	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết	<p>Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>Phức hợp vàng: Keo vàng -pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột (0,0623 ± 0,0200 µg), Keo vàng - IgY gà (0,050 ± 0,015 µg). Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue NS1 Ab (0,64 ± 0,20µg).</p> <p>Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0,64 ± 0,20µg).</p> <p>Độ nhạy 92,4% (khoảng tin cậy 95%: 86,1 - 95,9%) và độ đặc hiệu 98,4% (khoảng tin cậy 95%: 95,5 - 99,5%) so với RT-PCR.</p> <p>Đọc kết quả trong 15-20 phút.</p> <p>Không cần dung dịch pha loãng.</p> <p>4 tác nhân gây bệnh có tiềm năng gây phản ứng chéo sau không ảnh hưởng đến kết quả test thử: Bệnh viêm não Nhật Bản, Sốt vàng da, Malaria <i>P. falciparum</i>, Malaria <i>P. vivax</i>. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng tháp không gây nhiễu cho sản phẩm.</p> <p>Giới hạn phát hiện các serotype DENV:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Type 1: 1.95x10<sup>1.375</sup> TCID<sub>50</sub>/ml</li> <li>Type 2: 1.95x10<sup>2.25</sup> TCID<sub>50</sub> /ml (910), 3.13x10<sup>5.125</sup> TCID<sub>50</sub>/ml (NGC-2)</li> <li>Type 3: 6.25x10<sup>6.875</sup> TCID<sub>50</sub> /ml (S#25), 1.56x10<sup>2</sup> TCID<sub>50</sub> /ml (H87)</li> <li>Type 4: 1.56x10<sup>1</sup> TCID<sub>50</sub> /ml (814669)</li> </ul>	Test	400

100	8	Test H.Pylori	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA...) kháng H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích mẫu sử dụng là 10 µl. Độ nhạy 95,9%; Độ đặc hiệu 89,6%.</li> <li>- Thành phần chính: Phức hợp vàng: Keo vàng kháng nguyên Helicobacter pylori (1,0±0,2 µg), vạch thử: Kháng nguyên Helicobacter pylori (0,430±0,086 µg), Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng Helicobacter pylori (0,65±0,13 µg) . Dung dịch pha loãng bao gồm: Dung dịch đệm Tris-HCl 50 mM (4 ml), Natri azua (q.s.)</li> <li>- Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</li> <li>-Ngưỡng phát hiện: ở nồng độ pha loãng 320 lần của huyết thanh dương tính với HP</li> </ul>	Test	600
101	9	Test thử ma túy 4 chân	<p>Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng AMP, Kháng thể kháng MET, Kháng thể kháng MOP, Kháng thể kháng THC, cộng hợp AMP-BSA, cộng hợp MET-BSA, cộng hợp MOP-BSA, cộng hợp THC-BSA</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml</li> <li>2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml</li> <li>3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml</li> <li>4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml</li> </ul> <p>Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100%  Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%  Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL::Ampicillin, 4-Acetamidophenol, Oxazepam, Nifedipine, Uric acid</p>	Test	1.000



102	10	Khay xét nghiệm định tính ma túy đa chỉ số trong nước tiểu (5 chỉ số)	<p>Test thử nhanh phát hiện nhiều chất ma túy (MOP/MDMA/MET/KET/THC). MOP: Ngưỡng cut-off: 300 ng/ml; Dương tính : MOP &gt; 300 ng/ml; Âm tính : MOP &lt; 300 ng/ml; Độ nhạy: 99,9%; Độ đặc hiệu: 99,9%;</p> <p>MDMA:Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml; Dương tính: MDMA<math>\geq</math>500ng/ml); Âm tính: MDMA &lt; 500ng / ml); Độ nhạy: 99%; Độ đặc hiệu: 98%;</p> <p>MET:Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml; Dương tính: MET<math>\geq</math>500ng/ml); Âm tính: MET &lt; 500ng / ml); Độ nhạy: 99,9%; Độ đặc hiệu: 99,9%;</p> <p>KET:Ngưỡng cut-off: 1000 ng/ml; Dương tính: KET<math>\geq</math>1000ng/ml); Âm tính: KET &lt; 1000ng / ml); Độ nhạy: 97,5%; Độ đặc hiệu: 98,2%;</p> <p>THC:Ngưỡng cut-off: 50 ng/ml; Dương tính: THC<math>\geq</math>50ng/ml); Âm tính: THC &lt; 50ng / ml); Độ nhạy: 99,9%; Độ đặc hiệu: 99,9%</p>	test	100
103	11	Test nhanh chẩn đoán bệnh viêm đường ruột do Rotavirus	<p>Định tính phát hiện Rotavirus trong phân người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần thanh thử:</li> <li>+ Hạt kháng thể kháng Rotavirus</li> <li>+ Kháng thể kháng Rotavirus được phủ trên màng dẫn</li> </ul> <p>Hiệu suất của băng thử nghiệm nhanh Rotavirus đã được đánh giá với 361 mẫu bệnh phẩm được thu thập từ trẻ em và thanh niên so với phương pháp ngưng kết latex.</p> <p>Kết quả cho thấy độ nhạy tương đối của băng thử nghiệm nhanh Rotavirus (Phân) là &gt; 99,9% và độ đặc hiệu tương đối là 98,8%.</p> <p>Độ nhạy tương đối: &gt;99.9% (98.4%-100.0%)*</p> <p>Tính đặc hiệu tương đối: 98.8% (95.8%-99.9%)*</p> <p>Độ chính xác tương đối: 99.4% (98.0%-99.9%)*</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>	test	200
104	12	Test thử thai HCG	<p>Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể chuột kháng <math>\beta</math>hCG, kháng thể chuột kháng <math>\alpha</math>hCG. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 100%, Độ chính xác tương quan: 100%. Không bị gây nhiễu bởi các chất Hemoglobin 1 mg/dl, Glucose 2 g/dl, Gentisic Acid 20 mg/dl. Không bị phản ứng chéo với một số hoóc môn liên quan về cấu trúc như LH (300 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 <math>\mu</math>IU/mL). Đọc kết quả tại 5 phút.</p>	Test	600

105	13	Yếu tố tìm RH trong máu	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Hiệu giá > 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Bộ	10
<b>C</b>	<b>VẬT TƯ Y TẾ</b>				
	<b>Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương</b>				
	<b>1.1 Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương</b>				
106	14	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ mức độ cao.	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, không mùi, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 17111 và EN 14563. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. Tương thích với ống nội soi hãng Olympus...	lít	100
107	15	Dung dịch đa Enzym làm sạch dụng cụ y tế.	Dung dịch có chứa: 0,5% Protease, 0,2% Lipase, 0,15% Amylase, 0,05% Cellulase, 0,05% Mannanase. Dung dịch pha loãng 0,5 - 1%.pH=7-8	Lít	20
108	16	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Thành phần: 2%kl/kl Chlorhexidine Digluconate. Chất giữ ẩm: Glycerine, Vitamin E, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Cùng với chất hoạt động bề mặt: C8-16 fatty alcohol glucoside, Lauryl Alcohol Ethoxylates, CDE, CAB. Polysaccharides. Có tác dụng diệt khuẩn hoàn toàn đối với các vi khuẩn như: S.aureus, P.aeruginosa, S.flexneri trong thời gian 3 phút và C.albicans, M.tuberculosis, B.Subtilis sau thời gian tiếp xúc 5 phút. pH=5-8	Lít	250
109	17	Dung dịch Povidone Iodine 10%	Thành phần: 10%kl/tt Povidone Iodine. Chất giữ ẩm: Glycerine, Vitamin E. Có tác dụng diệt khuẩn hoàn toàn đối với các vi khuẩn như: S.aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, B.Subtilis trong thời gian 30 giây và M.tuberculosis sau thời gian tiếp xúc 1 phút.pH=1,5-6,5	Lít	80

110	18	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	<p>Dung dịch rửa tay sát khuẩn dạng cồn .Thành phần: Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w) Thành phần dưỡng ẩm:Glycerine, Myristil alcohol, ethoxylated lanolin, tocopheryl acetate, polysaccharides....</p> <p>Thành phần chăm sóc da:Tinh chất lô hội</p> <p>Có tác dụng diệt hoàn toàn đối với các vi khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Mycobacterium tuberculosis và nấm Candida albicans sau 30 giây tiếp xúc. pH=6-8</p>	Lít	100
<b>Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương</b>					
<b>2.1 Băng dính</b>					
111	19	băng dính vô trùng trong suốt cố định kim lòn	lớp màng trong suốt chống thấm nước, kháng khuẩn, ít gây kích ứng, được thiết kế thêm rãnh chữ V giúp cố định kim lòn chắc chắn. Trên băng dính còn có cả nhãn theo dõi thời gian. Băng dính vô trùng không thấm nước – cố định kim lòn phù hợp để bảo vệ an toàn vùng đặt kim lòn, ống thông	miếng/cái	1000
112	20	Băng dính lụa	<p>- Kích thước 5 cm x 4.5 m.</p> <p>- Chất liệu cao cấp, phần nền là vải lụa trắng Acrylic, có độ bám dính cao, không gây kích thích dị ứng</p>	Cuộn	1000
<b>2.2 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương</b>					
113	21	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cmx40cmx 8 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc.	Cái	3.000
114	22	Gạc phẫu thuật ổ bụng7, 5cm*7,5cmx 8 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc.	Cái	500
<b>Nhóm 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh</b>					

**3.1 Bơm tiêm**

115	23	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa dung tích 50ml, đốc xilanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Piston và vỏ bơm được làm bằng nhựa Polypropylen, không chứa độc tố DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. Đóng gói vô trùng	cái	300
116	24	Bơm tiêm 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 3ml, cỡ kim 25G x 1"; 25G x 5/8"; 23G x 1". Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đầu kim vát 3 cạnh. Thân kim làm bằng thép không gỉ và không bị oxy hóa. Vỏ xylanh: Làm bằng nhựa y tế. Không có chất gây sốt, độc tố, kim loại nặng. Vạch chia dung tích, chữ số in trên mặt ngoài xy lanh, chạy dọc theo chiều dài bơm tiêm.	Cái	30000
117	25	Bơm karman 1 van	Ống bơm có dung tích : 60cc Áp lực hút: 609,6 – 660,4 mm Hg Bơm có thể tái sử dụng đến 25 lần (nếu cho phép)  Ống hút dùng cho bơm là ống Flexible Karman Cannula cỡ 4mm – 6mm (FC4 – FC6) và ống EB 3mm Trên ống có 6 chấm bắt đầu từ khoảng cách 6cm tính từ đầu ống, khoảng cách giữa các chấm là 1cm dùng để đo kích thước tử cung. Bơm được làm bằng nhựa không latex Đóng gói: đóng gói riêng biệt từng túi (mã SVS-LF) và đóng gói 10 cái/túi (mã SVS-S10) Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày sản xuất	Cái	1
118	26	Bơm karman 2 van	Ống bơm có dung tích: 60cc Áp lực hút: 609,6 – 660,4 mm Hg Bơm có thể tái sử dụng đến 25 lần (nếu cho phép)  Ống hút dùng cho bơm là ống Ipas EasyGrip®Cannula các cỡ và ống Flexible Karman Cannula cỡ 12mm Trên ống có 6 chấm bắt đầu từ khoảng cách 6cm tính từ đầu ống, khoảng cách giữa các chấm là 1cm dùng để đo kích thước tử cung. Bơm có thể tiệt trùng bằng hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 250OF (121OC) hoặc tiệt trùng lạnh (Cidex®, Sporox®II) Bơm được làm bằng nhựa không latex Đóng gói: Tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng túi Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất	Cái	1

<b>3.2 Kim tiêm</b>					
119	27	Kim hai cánh bướm các cỡ	Kim 2 cánh bướm các cỡ kim làm bằng chất liệu crom tráng silicol, sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO, dây nối có đường kính trong 1.13mm đường kính ngoài 2.62 mm dây nối cường lực không thay đổi tính chất vật lý và hóa học khi nhiệt độ môi trường thay đổi. . Cỡ 23G; 25G	cái	4.000
<b>3,3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác</b>					
120	28	Kim chọc dò và gây tê tủy sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim gây tê tủy sống có 3 mặt vát sắc..</li> <li>• Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim ( Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra).</li> </ul> + Kim 22G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.7 mm ;+ Kim 25G 3½: chiều dài: 88mm (3 ½ inch), đường kính: 0.5 mm <ul style="list-style-type: none"> <li>• Que thông nòng có màu theo quy ước</li> </ul>	Cái	1.000
121	29	Kim chọc dò tủy sống	* Kim kiểu Quincke 3 mặt vát sắc bén. Nguyên liệu thép không gỉ, thiết kế định hướng mặt vát thuận tiện xác định hướng lên xuống của kim. * Chuôi kim trong suốt phản quang có nhiều rãnh chắc chắn * Có cánh cầm tiện lợi. Hub làm bằng vật liệu PP y tế, mã hóa màu theo từng kích cỡ từ 18G đến 27G. Có các cỡ chiều dài 38 đến 150mm * 18G( OD:1,2mm, ID: 0.8mm, độ mở khoảng 0.84mm); 19G(, OD: 1.1mm, ID:0.7mm, độ mở khoảng 0.67mm); 21G ( OD: 0.8mm; ID: 0.5mm, độ mở khoảng 0.51mm); 23G(, OD: 0,6mm, ID:0.3mm, độ mở khoảng 0.33 ); 25G( OD: 0,5mm, ID:0.3mm, độ mở khoảng 0.33); 27G ( OD: 0,40mm; ID: 0.2mm, độ mở khoảng 0.24mm)	Cái	500
<b>3.4 Dây truyền, dây dẫn</b>					
122	30	Dây nối bơm tiêm	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector. Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 75cm. Đường kính trong: 1.5mm, đường kính ngoài: 2.8mm, không có chất DEHP, thể tích lòng ống = 1ml. Sản phẩm tiệt trùng 100% Tiêu chuẩn ISO; EC. Thời hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; EC	Cái/túi	200
123	31	Dây nối bơm tiêm điện	Được sản xuất từ chất liệu nhựa Polyvinylchloride, không chứa DEHP. Độ dài dây 150cm Đầu nối khóa ren, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Sản phẩm đóng gói vô trùng	Cái/túi	200

124	32	Dây truyền máu	Dây truyền máu có công kết nối vặn xoắn luer lock. Có chức năng đuổi khí tự động. Màng lọc tiểu phân 200 micromet, diện tích màng lọc 11cm <sup>2</sup> , dây dài 180cm. Chịu áp suất tối đa 400mmHg (0,5 bar). Không chứa DEHP, không kim	Bộ	20
125	33	Dây truyền máu	Dây dài 165cm. Kim 21G. Bầu nhỏ giọt có màng lọc khí, có phin lọc máu, lỗ lọc 200µm, sợi lọc 0,1-0,01mm, lỗ lọc 0,2-0,01mm. Không độc, không gây sốt, tỷ lệ phân hủy máu <5%. Không rò rỉ khi bơm khí ở 100KPa vào bộ dây truyền máu trong 2 phút và khi bơm khí 50KPa vào bộ dây truyền máu trong 15giây. Mỗi nối trên một bộ dây truyền máu không bong ra ở lực 15N. Tiệt trùng khí EO.	Bộ	20
126	34	Khóa ba chạc có dây	Khóa ba chạc làm bằng chất liệu Polycarbonate, HDPE, PP. Dây nối được lắp sẵn vào khóa 3 chạc, được làm bằng nhựa cao cấp y tế chống đứt gãy và không gây dị ứng trên da. Cấu tạo 3 đầu khớp gồm 1 khóa ren chính và 2 khóa ren phụ. Sử dụng 1 lần. Tiệt trùng bằng khí E.O	cái	200
127	35	Khóa ba chạc không dây	- Làm bằng nhựa chất lượng cao dùng trong y tế PC, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước. - Khóa luer ở đầu khóa dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền, bộ vi điều chỉnh... - Không tương tác khi truyền với các loại nhũ dịch, dịch béo hay các loại thuốc. - Chịu được áp lực cao 5 bar ( 72psi). Khử trùng bằng khí EO( Ethylene Oxide).	Cái	200
		<b>3.5 Găng tay</b>			
128	36	Găng sản khoa	Kích thước: Bề dày min 0,18mm, chiều dài 490 ± 10 mm, chiều rộng lòng bàn tay: Size 7: 89 ± 5 mm; Size 7,5: 95 ± 5mm. Cơ lý tính: Lực kéo đứt: Trước lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N Độ dài khi đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Lỗ thủng: AQL1.5 Sản xuất từ Latex cao su thiên nhiên. Màu trắng tự nhiên của cao su Có phủ bột ngô chống dịch (an toàn theo tiêu chuẩn US FDA). Sử dụng 1 lần. Tiệt trùng bằng khí E.O	Cái	200
<b>Nhóm 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter</b>					

<b>4.1 Ống thông</b>					
129	37	Ống thông hậu môn	Các số từ 22 - 28. Dây dẫn dài $\geq 50$ cm được sản xuất từ chất liệu nhựa Polyvinylchloride nguyên sinh, dây mềm, trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng. Không chứa độc tố DEHP.	Cái	200
130	38	Thông tiêu 1 nhánh các số	Chất liệu làm bằng cao su mềm tự nhiên, có chiều dài 40cm trở lên, có 2 đầu thông nhau dạng hình ống để dẫn chất thải	Cái	700
131	39	Thông tiêu 2 nhánh các số	Thông tiêu 2 nhánh các số. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ Dầu silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gầy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, Bóng 30ml đối xứng, bóng thiết kế đặc biệt chống vỡ, Xông 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP.	Cái	800
132	40	Ống đặt nội khí quản có bóng	Làm từ chất liệu PVC cao cấp trong y tế không độc hại, mềm và trong suốt, hạn chế nguy cơ chấn thương - Không DEHP, có bóng áp suất theo tiêu chuẩn (phù hợp với phẫu thuật đặt nội khí quản trong thời gian ngắn) - Kích thước: 3.0mm- 9.0mm - Đường cân quan chạy dọc theo thân ống - Tiết trùng.	Cái	400
133	41	Ống mở khí quản 2 nòng	Làm từ chất liệu Silicone tương thích với cơ thể, không gây kích ứng. Có bóng chèn, có hút trên cuff, có cửa sổ, có dây cố định, có nòng phụ thay thế, bộ dụng cụ vệ sinh đi kèm mỗi sản phẩm	cái	1
<b>4.2 Ống dẫn lưu, ống hút</b>					
134	42	Ống hút điều hòa kinh nguyệt	Được tiết trùng, đóng gói riêng biệt các ống được phân biệt kích cỡ qua màu sắc của chuỗi. Trên ống có các dấu chấm đánh dấu độ sâu kích thước từ cung từ 6 đến 11cm Ống cỡ 4mm đến 8mm: đầu ống có 2 lỗ hút Ống cỡ 9mm, 10mm và 12mm: đầu ống có 1 lỗ hút lớn Ống hút được làm bằng nhựa không latex.	cái	20

135	43	Dây dẫn lưu nhựa trắng silicon	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm . Được tiệt trùng bằng EO.	Cái	200
136	44	Dây silicon cho máy hút dịch	Dây hút dịch silicon dài 2m sử dụng cho máy hút dịch mũi đờm 1 bình và 2 bình	cái	5
137	45	Que luồn khí quản	chất liệu lõi nhôm, dễ điều chỉnh uốn gập, bọc nhựa mềm, trơn dễ luồn. Kích thước: 5.0 – 8.0mm; 8.5 – 10.0mm; 2.5 – 4.5mm	cái	1
138	46	Ống chẹn thực quản, dạ dày	Cao su mềm, gồm có hai bóng, một bóng hình ống dài và một bóng tròn Ống có vạch cảnh quang Lòng ống hình trụ Có 4 lỗ ở đầu ống Tiệt trùng Có 3 nòng: 1 nòng bơm bóng thực quản, 1 nòng bơm bóng dạ dày, 1 nòng hút dịch dạ dày	cái	2
		<b>4.4. Catheter</b>			
139	47	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các cỡ	Ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các cỡ	cái	5
		<b>Nhóm 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật</b>			
		<b>5.1 Kim khâu</b>			
140	48	Kim khâu phẫu thuật	Kim khâu vết thương dùng trong y tế Kim khâu phẫu thuật. Chất liệu thép không gỉ Size: 5*14 ( tròn - tam giác ) Size: 7*17 ( tròn - tam giác ) Size: 8*20 ( tròn - tam giác ) Size: 9*24 ( tròn - tam giác ) Size: 10*34 (tròn - tam giác ) Size: 11*34( tròn - tam giác ) Size: 13*34( tròn - tam giác )	cái	1.000
		<b>5.2 Chỉ khâu</b>			
141	49	Chỉ Catgut chromic số 2	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm. Chỉ làm từ collagen, sợi chắc, dễ uốn, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tiêu 90 ngày. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat	sợi	100



142	50	Chỉ không tiêu số 4/0	Chỉ không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8, dài 19mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	sợi	100
143	51	Chỉ không tiêu số 2/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liên kim số 2/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm. Đóng gói vô trùng	sợi	700
144	52	Chỉ tan tổng hợp số 1.	Chỉ tan đa sợi Polyglycolic số 1, dài 90cm, có vỏ bọc Glyconate. Kim tròn thân dày phủ silicone 1/2C dài 40mm.	sợi	900
145	53	Chỉ tan tổng hợp số 2/0 .	Chỉ tan đa sợi Polyglycolic số 2/0, dài 70cm, có vỏ bọc Glyconate. Kim tròn phủ silicone 1/2C dài 26mm	sợi	1.200
146	54	Chỉ tan tổng hợp số 3/0	Chỉ tan đa sợi Polyglycolic số 3/0, dài 70cm, kim tròn phủ silicone 1/2C dài 26mm	sợi	600
147	55	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp liên kim đa sợi Polyglactin 910 được bao phủ bởi polyglactin và calcium stearate, số 2/0, dài 75cm. Kim làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26mm, kim 1/2. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Đóng gói vô trùng	sợi	400
148	56	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp liên kim đa sợi Polyglactin 910 được bao phủ bởi polyglactin và calcium stearate, số 3/0, dài 75cm. Kim làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26mm, kim 1/2. Duy trì 75% độ căng của chỉ sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 56 – 70 ngày. Đóng gói vô trùng	sợi	120
149	57	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liên kim số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim được phủ silicon và thép không gỉ. Chất liệu Polyglycolic acid được bao phủ Polycaprolactone and Calcium Stearate. Tiêu hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày; Sức căng còn 75% sau 14 ngày; 50% sau 21 ngày. Đóng gói vô trùng	sợi	300
150	58	Chỉ thép liên kim số 5	Kích thước: 55mm 1/2c - 45cm Có khả năng kéo căng cao - Độ đàn hồi ít hao mòn - Ít gây dị ứng mô - Sản phẩm đã được tiệt trùng - Được làm bằng thép không gỉ chất lượng cao	sợi	10
151	59	Chỉ Peclon	Dài 120m tiệt trùng - Chất liệu: bằng sợi cotton màu trắng .	cuộn	5
152	60	Chỉ lanh	100% cotton	cuộn	10
153	61	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép Steel patella set khâu xương bánh chè số 7, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120mm. Tiêu chuẩn ISO, CE	sợi	10

154	62	Chỉ thép buộc	Chỉ thép được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính chỉ từ 16G - 30G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	cuộn	3
<b>5.3 Dao phẫu thuật</b>					
155	63	Lưỡi dao mổ các số	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiết trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ	Cái	3.000
<b>Nhóm 6. Vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép nhân tạo</b>					
<b>6.5 Miếng vá, mảnh ghép</b>					
156	64	Lưới phẫu thuật thoát vị bẹn	Lưới phẫu thuật thoát vị bẹn kích thước 10x15 cm. Được làm từ polypropylene là vật liệu thay thế mô. có khả năng dung nạp tốt với cơ thể.		
<b>Nhóm 7. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa</b>					
<b>7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp</b>					
157	65	Phim X-quang khô y tế 20x25cm	Phim X- quang laser kích thước 20x25 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fuji. Mật độ quang tối đa 3.3	tờ	20.000
158	66	Phim X-quang nha khoa	Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim. Kích thước 30,5*40,5mm	tờ	500
<b>7.6 Chấn thương, chỉnh hình</b>					
159	67	Mũi khoan xương	Mũi khoan xương $\Phi$ 2.0 mm - 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	10
160	68	Nẹp xương đòn chữ S, 6 lỗ	Nẹp chữ S được làm từ chất liệu thép không gỉ. Số lỗ bắt vít từ 6 lỗ, dùng vít thường 3.5 mm-4.0mm.	cái	15
161	69	Nẹp lồng máng 1/3	Nẹp được làm từ chất liệu thép không gỉ, số lỗ bắt vít từ 6- 8lỗ, dùng vít cứng 3,5mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	cái	5
162	70	Nẹp xương đùi 12 lỗ	Nẹp được làm chất liệu thép không gỉ., số lỗ bắt vít từ 12 lỗ, dùng vít thường 3.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	cái	5
163	71	Nẹp xương chày 8 lỗ	Nẹp được làm chất liệu thép không gỉ., số lỗ bắt vít từ 8 lỗ, dùng vít thường 3.5 mm. Trên thân thể hiện rõ ký hiệu mã sản phẩm, số lỗ, nguyên vật liệu và tiêu chuẩn CE; có trợ cụ tương thích	cái	5
164	72	Vít xương cứng 3.5 các cỡ	Vít được làm từ chất liệu thép không gỉ, tự taro. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.5mm, gồm cả ren 3.5mm Có trợ cụ tương thích.	cái	200

165	73	Vít xương cứng 4.5 các cỡ	Vít được làm từ chất liệu thép không gỉ, tự taro. Đường kính mũ vít 8.0mm với độ cao 4.4 mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5mm, sâu 2.8mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 3.1mm, gồm cả ren 4.5mm, chiều dài từ 10mm - 80mm, bước tăng 2mm trong dải từ 10 mm - 70 mm, bước tăng 5 mm trong dải từ 70 mm - 80 mm; bước ren 1.75mm. Có trợ cụ tương thích.	cái	50
166	74	Đinh Kirschner các loại	Chất liệu thép y tế không gỉ. Các kích cỡ.	Cái	40
167	75	Tuốc nơ vít chữ T	Tuốc nơ vít chữ T đầu 3.5 lục lăng	cái	1
168	76	Bộ tháo rút đinh nội tủy đa năng	Bộ tháo rút đinh nội tủy đa năng	bộ	1
169	77	Nẹp chữ T	Nẹp được làm từ chất liệu thép không gỉ. dùng vít 3.5 mm các cỡ	cái	5
170	78	Dụng cụ cầm đinh trong phẫu thuật luồn đinh	được làm từ chất liệu thép không gỉ	cái	1
<b>Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác</b>					
171	79	Băng chỉ thị nhiệt dùng cho hấp ướt	Chỉ thị nhiệt 24mm x 55m có Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. - Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn	cuộn	5
172	80	Băng mực in cho máy huyết học loại 300	Dùng cho Máy in EPSON LQ-300	cuộn	10
173	81	Băng mực in cho máy huyết học loại 310	Dùng cho Máy in EPSON LQ-310	cuộn	10
174	82	Bao tay huyết áp monitor	Dùng cho Monitor Nihon	cái	10
175	83	Bát đựng bông cotton inox	hộp kim inox không gỉ, đường kính 12cm, 14cm, 16cm	Cái	10
176	84	Dây đo huyết áp của monitor theo dõi chức năng sống	Bộ bao đo huyết áp máy Mornitor dùng cho máy Mornitor hãng NIHON KOHDEN: -- Sử dụng nhiều lần - Dùng cho người lớn	Bộ	3

177	85	Bộ dụng cụ phẫu thuật mở khí quản	<p>Bộ mở khí quản cho người lớn gồm 12 mục: Cán dao mổ số 3, Số lượng: cái 1;  Móc phẫu thuật khí quản nhọn 16cm, Số lượng: cái 2;  Kẹp khăn phẫu thuật 13cm, Số lượng: cái 1;  Kẹp phẫu tích 1x2T 13cm, Số lượng: cái 2;  Que thăm dò phẫu thuật lòng máng 14cm, Số lượng: cái 1;  Dụng cụ nong khí quản 14cm, Số lượng: cái 1;  Banh phẫu thuật 3x4T tù, 14cm, Số lượng: cái 1;  Kẹp phẫu thuật cong 12cm, Số lượng: cái 4  Kẹp bông phẫu thuật không răng, thẳng 18cm, Số lượng: cái 2;  Kéo phẫu thuật cong 11.5cm, Số lượng: cái 1;  Kẹp kim phẫu thuật 15cm, Số lượng: cái 1  Móc phẫu thuật 4 răng nhọn- 16cm, Số lượng: cái 2</p>	bộ	1
178	86	Bộ phụ kiện máy khí dung	<p>Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt, không chứa độc tố DEHP  Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung.  Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m.</p> <p>Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -&gt; 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -&gt; 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -&gt; 0.014ml/giọt.</p> <p>Bao gồm mặt nạ, khí dung, ống oxy, thắt lưng đàn hồi, nhôm flake và kết nối. Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng một sương mù hít vào phổi. Tiệt trùng bằng khí EO  Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE. Gồm các size : S, M, L, XL</p>	cái	5
179	87	Bóng đèn hồng ngoại 250w	<p>Phổ ánh sáng hồng ngoại cao, tiết kiệm năng lượng.  - Sưởi ấm tức thì cho người sử dụng. Giảm đau nhức giúp tuần hoàn máu và nhanh lành vết thương. Công suất cực đại 220 V/50Hz-250W</p>	Cái	5
180	88	Bóng đèn mổ 24V-25W	Bóng đèn mổ 24V-25W	cái	200
181	89	Eurenol	Thành Phần là dùng dầu Eugenol dùng để trộn với oxit kẽm hoặc các vật liệu khác để làm giảm đau chống viêm, Lọ >=30g	Lọ	2

182	90	Acid- E sching	Dạng gel chứa 37% H <sub>3</sub> (PO) <sub>4</sub> và thành phần Polymer giúp phân biệt rõ ràng các vùng răng cần xoi mòn. Hiệu quả xoi mòn tốt bề mặt men răng . Tuýp >=5g	Tuýp	2
183	91	Cavition	Dùng trám tạm theo dõi hoặc trám tạm trong quá trình chữa tủy Chứa thành phần : Polyvinnyl,acetate, oxide kẽm, kẽm SulFate, ethanol Độ ổn định cao chịu lực tốt để áp dụng loại bỏ, Lọ >=30g	Lọ	4
184	92	Gutta percha points	Thấm hút nhanh hiệu quả dùng để kiểm tra và làm sạch ống tủy trước khi trám bít, với nhiều kích cỡ và độ thuận khác nhau cùng vạch chia chiều dài	hộp	10
185	93	Kẽm oxit	Oxide kẽm nguyên chất dùng trong nha khoa, đảm bảo chất lượng và độ an toàn cao	Lọ	1
186	94	Composite đặc	tính thẩm mỹ cao, khả năng điều khắc tạo hình dễ dàng. Độ nhớt phù hợp để điều khắc, không bết dính dụng cụ.	tuýp	2
187	95	Composite loãng	Tính thẩm mỹ cao Độ bền nén và độ co khi trùng hợp thấp Độ bền tương đương men răng sau khi chiếu đèn	Tuýp	5
188	96	Tăm bông	Cây cọ được sản xuất bởi chất liệu nhựa Polypropylen Có tính bền cơ học cao- cứng vững và không mềm dẻo như nhựa PE đồng thời không bị kéo giãn dài	Lọ	2
189	97	Keo boonding	Là keo dán quan trùng hợp dùng trong phục hình dán tiếp, độn các hạt nano tạo thành lớp đồng nhất, thâm nhập sâu vào các ống ngà. Lực dán cao , dán được trong bề mặt khô	Lọ	2
190	98	Fuji 1	Bám dính hóa học vào cấu trúc răng Đông cứng hóa học mà không co giãn nở theo nhiệt tương tự như cấu trúc răng	Lọ	2
191	99	Fuji 2	Bám dính hóa học vào cấu trúc răng cho phép sửa soạn các xoang trám nhỏ mà không cần etching hay bonding Đông cứng hóa học mà không co Pha thủy tinh chứa strontium tạo độ cản quang tốt giúp dễ dàng chẩn đoán sau khi trám Độ hòa tan thấp.	Lọ	2
192	100	Thuốc duyệt tủy	Polyoxymethylene, Lidocaine hydrochloride, Eugenol	Lọ	2
193	101	Cortisomol	Prednisolone acetate 1,1% Diiodothymol Kẽm oxit Bari sunfat Tá dược	Lọ	2

194	102	Sát trùng ống tủy	Dex armethason acctat: 0,0179g Phenol: 5,887g Các tá dược Galacal làm buồng tằm bột giấy và kênh rế: 0,8827g Formaldehyde Tá dược Glycerxol, nước tinh khiết, arnyl acctat vừa đủ cho 13ml	Lọ	2
195	103	Xịt tê	Lidocain 10%	Lọ	4
196	104	Giấy đánh chất hàn	Giấy trắng sáng, dày. Dùng để đánh chất hàn, xi măng trám răng trong nha khoa	hộp	4
197	105	Cây nong H - Files	dùng mở rộng, đưa thành ống tủy Độ thuôn chính xác, cán cầm chống trượt.	vi	10
198	106	Cây nong K-Files	Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn, các kích cỡ	vi	10
199	107	Trâm gai lấy tủy	sợi dây có gai, có kích thước lớn nhỏ, thường có nh	vi	10
200	108	Giấy thử cắn	Giấy cắn mỏng, mịn, có độ dai và kháng rách rất tốt. Ghi dấu một cách chính xác các điểm chạm khớp. Màu sắc bền vững, ít gây dính nhiễm màu trên miệng, găng tay hoặc dụng cụ thao tác	hộp	2
201	109	Thuốc đánh bóng răng	Chất bào mòn: đá bột Chứa 0,1% Florua	con	50
202	110	Chổi đánh bóng	Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tái sử dụng nhiều lần	cái	50
203	111	Cốc súc miệng dùng 1 lần	Nhựa sạch, An toàn khi sử dụng	cái	100
204	112	Mũi khoan đuôi chuột	Mũi khoan nha khoa đuôi chuột với các kích thước đường kính và độ mịn của phần kim cương, phù hợp cho các yêu cầu lâm sàng khác nhau.	cái	20
205	113	Mũi khoan tháp ngược	Mũi khoan nha khoa tháp ngược với các kích thước đường kính và độ mịn của phần kim cương, phù hợp cho các yêu cầu lâm sàng khác nhau.	cái	20
206	114	Mũi khoan tròn	Mũi khoan nha khoa đầu tròn với các kích thước đường kính và độ mịn của phần kim cương, phù hợp cho các yêu cầu lâm sàng khác nhau.	cái	20
207	115	Alginate	Công thức tinh chế Bột không bụi an toàn khi làm việc và dễ dàng dọn dẹp. Lực nén rất cao Không có chì và cadimi.	túi	4
208	116	Ống hút nước bọt	Chất liệu nhựa tốt, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng	cái	50

209	117	Đèn quang trùng hợp	Đề sặc không dây Trang bị đèn LED 5W công suất cao, có tuổi thọ trung bình khoảng 100.000 giờ Các thông số được hiển thị rõ ràng, chức năng đơn giản, bao gồm chế độ tiêu chuẩn và chế độ chiếu sáng nhanh	cái	1
210	118	ni khám răng	Nhíp có đầu cong. Nhíp dài 16 cm	cái	10
<b>Nhóm 9: Vật tư tiêu hao và vật tư thay thế khác</b>					
211	119	Bột Cloramin B	Công thức $C_6H_5SO_2NCINa.3H_2O$ Có công dụng khử trùng diệt khuẩn trên bề mặt, tẩy rửa dụng cụ hoặc xử lý nước	Kg	400
212	120	Cáp đo Spo2 dùng cho monitor	Cáp đo Spo2 dùng cho monitor Chất liệu mềm dẻo, cao su không bị lão hóa Thiết kế chống nhiễu ánh sáng bên ngoài, vừa ngón và chắc chắn Tương thích với máy monitor model Cetus X12/Axcent	Cái	2
213	121	Cáp đo Spo2 dùng cho monitor	Cáp đo Spo2 dùng cho monitor Chất liệu mềm dẻo, cao su không bị lão hóa Thiết kế chống nhiễu ánh sáng bên ngoài, vừa ngón và chắc chắn Tương thích với máy monitor model BSM 3562/Shinjuku-ku	Cái	2
214	122	Chổi rửa ống máy hút dịch	Chiều dài : từ 2m trở lên Độ dài lông chổi phù hợp để rửa các loại ống có đường kính nhỏ, dễ dàng vệ sinh các loại ống hút tái sử dụng nhiều lần.	cái	3
215	123	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.	Cái	4.000
216	124	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.	Cái	4.000
217	125	Dầu parafil	Dầu parafil, dung dịch màu trắng, không màu, không mùi	ml	10.000
218	126	Điện cực tim dán	Kích thước tâm điện cực dán ECG: 50 x 55mm Vật liệu xốp bảo vệ điện cực và gel từ các chất tẩy rửa phẫu thuật. Gel rắn dính nhanh chóng và giúp ghi tín hiệu tốt trên bề mặt da. Tất cả điện cực dán đều có lớp tiếp xúc chất lượng	Cái	200
219	127	Đoạn nối dây máy thở	Ống dây gấp được dài 15cm, các đầu nối thẳng 22F-15F/22M	Cái	5
220	128	Đồng hồ điều chỉnh oxy	Hai đồng hồ áp suất điều chỉnh áp	Cái	1

221	129	dung dịch acid acetic 3%	Dung dịch axit acetic 3%, Dùng trong sản phụ khoa	ml	10000
222	130	Dung dịch lugol	dung dịch lugol 1%, Dùng trong sản khoa, ...	ml	10000
223	131	Filter lọc khuẩn và làm ẩm	Bộ lọc nhiệt và trao đổi độ ẩm. Có cổng CO2 • Trọng lượng nhẹ, sức cản dòng không khí thấp • Lọc hiệu quả BFE >99.99%, lọc virút VFE >99.99%	Cái	5
224	132	Gel bôi trơn	Không gây kích ứng da. Hòa tan trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn, không độc hại và không có mùi. Được sử dụng trong nội soi, nội soi dạ dày, nội soi ruột kết, nội soi trực tràng	tuýp	60
225	133	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước 63mm*30m*17 mm, chất liệu bằng giấy in nhiệt và có 1 mặt được in dòng kẻ sẵn đếm nhịp điện tim	cuộn	150
226	134	Giấy in nhiệt cho máy Monitor sản khoa	Giấy in nhiệt cho máy Monitor sản khoa. Kích thước 152mm x150mm- Số lượng 200 tờ	Tập	50
227	135	Giấy in nhiệt máy sinh hóa - huyết học - nước tiểu	Kích thước 57mm*30m*16mm, chất liệu bằng giấy trắng in nhiệt	cuộn	200
228	136	Giấy in siêu âm	Giấy in siêu âm. Kích thước 110mm x 20m	cuộn	200
229	137	Huyết áp kế đồng hồ	Bao gồm: - 01 quả bóp hơi bằng cao su - 01 đồng hồ đo áp lực - 01 dây dẫn khí bằng nhựa - 01 bao đo bằng vải phù hợp với kích cỡ người lớn - Đồng hồ có khoảng đo: 20 -300mmHg - Độ chính xác: +/- 3mmHg * 1 Bộ/Túi	Cái	10
230	138	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa Polypropylen nguyên sinh, độ trơn láng cao. Không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng khí EO, không độc hại, không gây kích ứng. Các khớp răng đều, thẳng hàng, gờ không sắc.	Cái	2.000
231	139	Lam kính	Lam kính có bảm dính tích điện dương, cạnh mài 90°, có vùng ghi nhãn màu trắng	cái	10000
232	140	lamen kính	kích thước <b>22x22mm</b> dạng vuông Thích hợp dùng	cái	2000
233	141	Mặt nạ thở không xâm lấn	Phù hợp để sử dụng cho máy thở chức năng cao xâm nhập và không xâm nhập e360T+ của hãng NMI - Newport - Mỹ.	cái	1
234	142	Mặt nạ thở oxy có túi	Được làm từ chất liệu nhựa PVC được dùng trong y tế. Túi hơi dùng để dự trữ khí oxy. Ống hơi được mở an toàn Mask với dây đeo đàn hồi. Kẹp mũi điều chỉnh được. Size : S, M, L, XL Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi	cái	5
235	143	Miếng dán máy điện châm	Sử dụng cho máy điện châm SDZ-II	cặp	50



236	144	Nep cổ cứng	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, khuôn nhựa định hình thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ, sau phẫu thuật, có khuôn nhựa tạo lỗ có thể luồn ống nội khí quản	cái	2
237	145	Nhiệt kế bệnh nhân	- Chức năng: Dùng để đo nhiệt độ cơ thể - Cấu tạo của nhiệt kế gồm có bầu chứa thủy ngân, ống mao quản, bầu chứa phụ, thang chia độ. Thân nhiệt kế làm bằng thủy tinh chịu nhiệt - Dải đo nhiệt độ cơ thể: 35 độ C - 42 độ C. Bước nhảy: 0.1 độ C	cái	100
238	146	Nước javen	Dạng dung dịch lỏng, nước javen, màu vàng nhạt, mùi hơi hắc khó chịu	ml	360000
239	147	Ống nghe 2 tác dụng	Ống nghe tim phổi bao gồm chuông nghe và màng nghe Ống chữ Y nhựa P.V.C	Cái	10
240	148	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh các cỡ	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng nước tiểu xét nghiệm. Thể tích 10ml (đường kính 10mm, cao 100mm, dày 0,6mm)	Cái	5000
241	149	Que đũa lưỡi gỗ	Chất liệu gỗ. Kích thước 150mm x 2mm x 20mm. Đóng gói vô trùng	Cái	2.000
242	150	Sáp parafil	Dạng sáp này có màu trắng, không mùi, dạng khối, điểm nóng chảy <58 độ C	kg	400
243	151	Túi camera tiệt trùng	Thành phần gồm Ống nylon 18 x 230 cm - Dây buộc 2 ly 2 x60 cm Túi nylon 9 x 14 cm - Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Được sản xuất từ nylon Pe màu sắc đồng đều, có độ trong ,bề mặt mềm mịn có độ dẻo dai. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận CE ; Thực hành sản xuất tốt GMP	Cái	1000
244	152	Viên nén khử khuẩn	Viên sủi khử khuẩn chứa 2,5g Troclosense Sodium 50%. Troclosense Sodium (50% DICHLOR-ISOCYANURATE NATRI), Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH acid 6.2. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải	Viên	200
245	153	Vôi soda	Tính chất: Hạt màu trắng hoặc xám hay màu hồng nhạt. Tan một phần trong nước, gần như tan hoàn toàn trong acid acetic loãng Có phản ứng của ion natri và ion calci và tính kiềm mạnh độ hấp thụ cacbon dioxyd: Khối lượng tăng lên không được ít hơn 20% Khả năng hút hơi ẩm: Không được quá 7.5%	Gam	5000
246	154	Bát Đựng bông cotton inox	Chất liệu inox không gỉ, kích thước: 8*15cm	Cái	5

247	155	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai là một loại dụng cụ tránh thai đặt trong buồng tử cung, được làm bằng polyethylene. Cành đứng (thân dọc) được cuộn dây đồng và mỗi cành ngang được bọc bởi một ống đồng. Tổng diện tích bề mặt của đồng xấp xỉ 380 mm <sup>2</sup> . Các cành ngang dễ uốn và được thiết kế để có thể giữ vòng tránh thai nằm sát với đáy tử cung mà không tụt xuống hoặc chạm vào sừng tử cung.	cái	200
<b>D</b>	<b>156</b>	<b>DANH MỤC KHÍ Y TẾ</b>			
248		Oxy y tế 40 lít	Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$ ; áp suất nạp 150atm, áp suất làm việc 135atm; Cơ sở sản xuất phải đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO hoặc tương đương; Bình dung tích 40 lít	Chai/bình	50
249		Oxy y tế 10 lít	Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$ ; áp suất nạp 150atm, áp suất làm việc 135atm; Cơ sở sản xuất phải đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO hoặc tương đương; Bình dung tích 10 lít	Chai/bình	150
250		Khí CO <sub>2</sub> 10 lít	Thành phần: Cacbon dioxit, tinh khiết $\geq 99,5\%$ , Cơ sở sản xuất phải đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO hoặc tương đương; Bình dung tích 10 lít	Chai/bình	10
<b>E</b>		<b>TRANG THIẾT BỊ</b>			
251	157	Máy chụp X-quang cầm tay	*) Cấu hình theo máy gồm: 01 máy x-quang 02 pin rời 01 bộ sạc và đế sạc *) Thông số kỹ thuật: Nguồn phát tia X: DC- một chiều Điện áp: 60KV ( cố định) Dòng điện: 2mA Tiêu cự: 0,8mm Góc mục tiêu: 20 độ Thời gian phát tia: 0,05~1,25s ( cảm biến kỹ thuật số) 0,2~1,35s ( phim thường) Nguồn điện yêu cầu: DC 14,2~16,8V Trọng lượng: 1,7~2,0kg Điều kiện hoạt động: 0 độ C ~40 độ C	cái	1
252	158	Giường siêu âm	kích thước W1900 x D650 x H600 mm. Toàn bộ khung giường làm từ chất liệu inox cao cấp, phía trên trải đệm PVC, chân được gắn cố định.	cái	1
<b>Tổng 252 mặt hàng 158 phần (lô)</b>					





















































